CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 114/2014/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2014*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về đối tượng, điều kiện được phép nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về đối tượng, điều kiện được phép nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về đối tượng, điều kiện được phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ và quản lý hoạt động phá dỡ tàu biển tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài liên quan đến hoạt động nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ và hoạt động phá dỡ tàu biển tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phá dỡ tàu biển là hoạt động tháo dỡ toàn bộ cấu trúc tàu biển tại cơ sở phá dỡ tàu biển.

2. Cơ sở phá dỡ tàu biển là khu vực chuyên dùng để phá dỡ tàu biển.

3. Doanh nghiệp phá dỡ tàu biển là doanh nghiệp do tổ chức, cá nhân Việt Nam nắm giữ 100% tổng số vốn điều lệ của doanh nghiệp và sở hữu cơ sở phá dỡ tàu biển đã được đưa vào hoạt động.

4. Kế hoạch phá dỡ tàu biển là phương án do doanh nghiệp phá dỡ tàu biển lập để thực hiện việc phá dỡ đối với từng tàu biển.

Điều 4. Nguyên tắc nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng

1. Việc nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng phải bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, an toàn lao động, bảo vệ sức khỏe con người và môi trường.

2. Việc phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng chỉ được thực hiện tại cơ sở phá dỡ tàu biển đã được phép hoạt động theo quy định.

3. Tàu biển đã qua sử dụng được nhập khẩu để phá dỡ phải thuộc các trường hợp quy định tại Điều 8 của Nghị định này; người nhập khẩu tàu phải có bản kê khai danh mục vật liệu trên tàu theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Tàu biển đã qua sử dụng nhập khẩu để phá dỡ không được hoán cải, nâng cấp, chuyển đổi mục đích sử dụng và không được chuyển nhượng, mua, bán lại.

5. Tàu biển đã qua sử dụng nhập khẩu để phá dỡ phải được đưa vào cơ sở phá dỡ trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan nhưng không vượt quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày tàu đến cảng biển đầu tiên của Việt Nam; thời gian phá dỡ tàu biển không được kéo dài quá 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày đưa tàu vào cơ sở phá dỡ.

6. Tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ không trong tình trạng thế chấp hoặc khiếu nại hàng hải.

Điều 5. Bảo vệ môi trường trong hoạt động phá dỡ tàu biển

Doanh nghiệp phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng có trách nhiệm:

1. Lập kế hoạch thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động phá dỡ đối với từng tàu biển hoặc phải có hợp đồng với doanh nghiệp được phép kinh doanh dịch vụ này về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động phá dỡ từng tàu biển.

2. Bố trí các khu vực để lưu giữ an toàn các loại chất thải phát sinh từ hoạt động phá dỡ tàu biển trước khi xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Xây dựng phương án khắc phục sự cố về môi trường xảy ra trong hoạt động phá dỡ tàu biển.

4. Áp dụng kịp thời, hiệu quả các biện pháp khắc phục sự cố môi trường xảy ra trong hoạt động phá dỡ tàu biển và phải báo cáo đến các cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

5. Mua bảo hiểm và thực hiện các nghĩa vụ về bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường liên quan đến hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu biển.

6. Thực hiện các quy định khác có liên quan của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 6. Quy định về việc phá dỡ tàu biển Việt Nam, tàu biển nước ngoài bị chìm đắm tại Việt Nam

1. Tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam nếu thực hiện phá dỡ tại Việt Nam phải thực hiện theo quy định tại Điều 17, 18, 19 của Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Trường hợp tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài bị tai nạn, hư hỏng hoặc bị chìm đắm nếu có nhu cầu phá dỡ tại Việt Nam thì phải thực hiện việc nhập khẩu, phá dỡ tàu biển theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Chương II
ĐIỀU KIỆN NHẬP KHẨU TÀU BIỂN ĐÃ QUA SỬ DỤNG ĐỂ PHÁ DỠ

Điều 7. Điều kiện nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ

1. Doanh nghiệp phá dỡ tàu biển có đủ các điều kiện quy định dưới đây được Bộ Giao thông vận tải cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển để phá dỡ:

a) Có đăng ký ngành nghề kinh doanh nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ;

b) Có các bộ phận chuyên trách thực hiện nghiệp vụ về nhập khẩu; pháp luật hàng hải; an toàn lao động và bảo vệ môi trường;

c) Có vốn pháp định tối thiểu 50 (năm mươi) tỷ đồng Việt Nam.

2. Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ có hiệu lực thực hiện trong 05 (năm) năm kể từ ngày cấp.

3. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ.

Điều 8. Các loại tàu biển đã qua sử dụng được phép nhập khẩu để phá dỡ

1. Tàu chở hàng khô, gồm: Hàng tổng hợp, hàng rời, hàng thiết bị, gỗ dăm, gỗ cây, ngũ cốc, hàng đóng bao, hàng sắt thép.

2. Tàu công-ten-nơ.

3. Tàu chở quặng.

4. Tàu chở hàng lỏng, gồm: Dầu thô, dầu sản phẩm, dầu thực vật.

5. Tàu chở gas, khí hóa lỏng.

6. Tàu Ro-Ro, tàu khách, sà lan biển, phà biển.

7. Giàn khoan nổi.

8. Giàn khoan tự nâng.

9. Tàu chứa nổi.

10. Phương tiện chứa nổi và chuyển tải sản phẩm.

11. Các loại tàu biển khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 9. Trình tự thực hiện việc mua tàu biển nước ngoài đã qua sử dụng để phá dỡ

Doanh nghiệp phá dỡ tàu biển mua tàu biển nước ngoài đã qua sử dụng để phá dỡ thực hiện theo các bước sau:

1. Phê duyệt chủ trương mua tàu biển nước ngoài đã qua sử dụng để phá dỡ.

2. Lựa chọn tàu, xác định giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua tàu biển nước ngoài đã qua sử dụng để phá dỡ.

3. Lập, phê duyệt dự án mua tàu biển nước ngoài đã qua sử dụng để phá dỡ. Dự án mua tàu biển nước ngoài đã qua sử dụng để phá dỡ gồm các nội dung về sự cần thiết của việc đầu tư, loại tàu, số lượng, thông số kỹ thuật cơ bản của tàu, giá tàu dự kiến, nguồn vốn mua tàu, hình thức mua tàu, kế hoạch phá dỡ tàu biển, hiệu quả kinh tế và các nội dung cần thiết khác.

4. Quyết định mua tàu biển nước ngoài đã qua sử dụng để phá dỡ.

Điều 10. Thẩm quyền phê duyệt chủ trương, quyết định mua tàu biển nước ngoài đã qua sử dụng để phá dỡ

1. Thẩm quyền phê duyệt chủ trương, quyết định mua tàu biển nước ngoài đã qua sử dụng để phá dỡ đối với doanh nghiệp nhà nước hoặc doanh nghiệp có vốn góp nhà nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp, Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Thẩm quyền phê duyệt chủ trương, quyết định mua tàu biển nước ngoài đã qua sử dụng để phá dỡ đối với doanh nghiệp không có vốn nhà nước thì do doanh nghiệp tự quyết định.

Điều 11. Thủ tục nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ

1. Hồ sơ phải nộp khi làm thủ tục nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ gồm các giấy tờ dưới đây:

a) Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ (01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực);

b) Quyết định của doanh nghiệp về việc mua tàu biển nước ngoài đã qua sử dụng để phá dỡ (01 bản gốc);

c) Hợp đồng mua bán tàu biển nước ngoài đã qua sử dụng (01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực);

d) Biên bản bàn giao tàu biển nước ngoài (01 bản gốc);

đ) Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển (01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực);

e) Văn bản chứng nhận tình trạng sở hữu của tàu biển (01 bản gốc);

g) Bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường (01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực);

h) Bản kê danh mục vật liệu trên tàu của chủ tàu (01 bản gốc);

i) Quyết định phê duyệt kèm theo Kế hoạch phá dỡ tàu biển (01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực).

2. Căn cứ hồ sơ nhập khẩu tàu biển quy định tại Khoản 1 Điều này, quy định của pháp luật về hải quan và các quy định khác có liên quan của pháp luật, cơ quan hải quan có trách nhiệm làm thủ tục nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ.

Chương III
ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ PHÁ DỠ TÀU BIỂN

Điều 12. Điều kiện đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động

1. Phù hợp với quy hoạch cơ sở phá dỡ tàu biển đã được phê duyệt.

2. Có cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và nhân lực bảo đảm thực hiện việc phá dỡ tàu biển.

3. Có hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 của Nghị định này.

4. Được xác nhận các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành và yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong đó có nội dung liên quan đến hoạt động phá dỡ tàu biển.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động

1. Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam thẩm định hồ sơ đề nghị đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động và trình Bộ Giao thông vận tải quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động.

2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động trên cơ sở kết quả thẩm định và kiến nghị của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam.

Điều 14. Thủ tục quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động

1. Doanh nghiệp phá dỡ tàu biển nộp trực tiếp đến Cục Hàng hải Việt Nam hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc gửi bằng các hình thức phù hợp khác 02 (hai) bộ hồ sơ đề nghị đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động.

2. Hồ sơ đề nghị đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động gồm các giấy tờ sau:

a) Văn bản đề nghị đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động theo Mẫu số 1 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này (01 bản);

b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực);

c) Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ sở phá dỡ tàu biển (01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực);

d) Giấy xác nhận các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành (01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực);

đ) Giấy đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực);

e) Giấy phép xả thải vào nguồn nước (01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực);

g) Văn bản nghiệm thu về phương án phòng, chống cháy, nổ (01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực);

h) Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực);

i) Bản vẽ tổng thể về vị trí bố trí trang thiết bị của cơ sở phá dỡ tàu biển (01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực);

k) Bản kê khai danh sách lao động trực tiếp tham gia hoạt động phá dỡ tàu biển (01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực);

l) Danh mục trang thiết bị bảo hộ an toàn lao động (01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực);

m) Giấy chứng nhận hệ thống quản lý môi trường (01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực).

3. Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra và xử lý như sau:

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ hợp lệ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ;

b) Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

c) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Hàng hải Việt Nam thẩm định và báo cáo Bộ Giao thông vận tải bằng văn bản về kết quả thẩm định hồ sơ;

d) Chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định và kiến nghị của Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải ban hành quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động theo Mẫu số 2 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 15. Quyết định dừng hoạt động cơ sở phá dỡ tàu biển

1. Bộ Giao thông vận tải quyết định dừng hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển trong các trường hợp sau đây:

a) Theo đề nghị của doanh nghiệp phá dỡ tàu biển do cơ sở hoạt động không hiệu quả hoặc các lý do chính đáng khác;

b) Cơ sở vi phạm các quy định về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, an toàn lao động, phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Quyết định dừng hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển như sau:

a) Doanh nghiệp phá dỡ tàu biển nộp trực tiếp đến Cục Hàng hải Việt Nam hoặc gửi qua hệ thống bưu chính văn bản đề nghị dừng hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển. Sau 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị dừng hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển, Cục Hàng hải Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải quyết định;

b) Chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải quyết định dừng hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển và thông báo cho doanh nghiệp phá dỡ tàu biển và các cơ quan liên quan.

3. Cơ sở phá dỡ tàu biển có thể phải dừng hoạt động theo các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 16. Quyết định tạm dừng hoạt động cơ sở phá dỡ tàu biển

1. Trường hợp vì lý do bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, bảo vệ môi trường hoặc doanh nghiệp phá dỡ tàu biển không thực hiện đúng kế hoạch phá dỡ tàu biển đã được chấp thuận và các lý do khẩn cấp khác, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam quyết định tạm thời dừng hoạt động cơ sở phá dỡ tàu biển theo đề nghị của Cảng vụ hàng hải khu vực.

2. Khi lý do tạm dừng hoạt động cơ sở phá dỡ tàu biển đã được khắc phục, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam quyết định hủy bỏ việc tạm dừng theo đề nghị của Cảng vụ hàng hải có liên quan.

3. Ngay sau khi quyết định tạm dừng hoạt động cơ sở phá dỡ tàu biển hoặc hủy bỏ quyết định tạm dừng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam phải báo cáo Bộ Giao thông vận tải; đồng thời, thông báo cho doanh nghiệp phá dỡ tàu biển và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại khu vực.

Chương IV
KẾ HOẠCH PHÁ DỠ TÀU BIỂN

Điều 17. Kế hoạch phá dỡ tàu biển

1. Trước khi tiến hành phá dỡ tàu biển, doanh nghiệp phá dỡ tàu biển phải lập kế hoạch phá dỡ tàu biển theo quy định tại Khoản 2 Điều này trình Cục Hàng hải Việt Nam thẩm định, phê duyệt.

2. Kế hoạch phá dỡ tàu biển gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin về tàu được phá dỡ: Tên tàu, quốc tịch tàu biển; tên và địa chỉ của chủ tàu; đặc tính kỹ thuật của tàu và bản vẽ bố trí chung của tàu biển;

b) Thông tin về cơ sở phá dỡ tàu biển: Tên và địa chỉ của doanh nghiệp phá dỡ tàu biển và cơ sở phá dỡ tàu biển, bản vẽ vị trí phá dỡ tàu biển nằm trong mặt bằng tổng thể cơ sở phá dỡ, trang thiết bị phục vụ phá dỡ, công nghệ phá dỡ, nhân lực phá dỡ;

c) Phương án phá dỡ tàu biển kèm theo tiến độ triển khai phá dỡ tàu biển theo các hạng mục cụ thể;

d) Biện pháp an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng, chống, cháy nổ;

đ) Kế hoạch bảo vệ môi trường trong hoạt động phá dỡ tàu biển đã được cơ quan quản lý nhà nước về môi trường xác nhận theo quy định.

3. Kế hoạch bảo vệ môi trường trong hoạt động phá dỡ tàu biển phải bao gồm cả kế hoạch ứng phó sự cố môi trường, kế hoạch thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động phá dỡ đối với từng tàu biển.

Điều 18. Thủ tục phê duyệt kế hoạch phá dỡ tàu biển

1. Doanh nghiệp phá dỡ tàu biển nộp trực tiếp đến Cục Hàng hải Việt Nam hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch phá dỡ đối với từng tàu biển. Hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch phá dỡ đối với từng tàu biển gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt kế hoạch phá dỡ tàu biển theo Mẫu số 3 quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này (01 bản);

b) Kế hoạch phá dỡ tàu biển (01 bản gốc).

2. Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra và xử lý như sau:

a) Trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ hợp lệ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

b) Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

c) Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm lấy ý kiến của các cơ quan liên quan về kế hoạch phá dỡ tàu biển. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cục Hàng hải Việt Nam, các cơ quan có liên quan phải có ý kiến trả lời bằng văn bản;

d) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Cục Hàng hải Việt Nam phải có quyết định phê duyệt kế hoạch phá dỡ tàu biển theo Mẫu số 4 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và gửi trực tiếp cho doanh nghiệp phá dỡ tàu biển hoặc gửi thông qua hệ thống bưu chính; trường hợp không phê duyệt, Cục Hàng hải Việt Nam phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 19. Thực hiện kế hoạch phá dỡ tàu biển

1. Doanh nghiệp phá dỡ tàu biển phải thực hiện phá dỡ tàu biển theo đúng kế hoạch phá dỡ tàu biển đã được phê duyệt và báo cáo Cục Hàng hải Việt Nam kết quả thực hiện.

2. Cảng vụ hàng hải chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch phá dỡ đối với từng tàu biển.

3. Hàng năm, Bộ Giao thông vận tải báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình phá dỡ tàu biển tại Việt Nam.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2015.

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Giao thông vận tải tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan tổ chức thực hiện Nghị định này; chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các địa phương liên quan xác định, xây dựng và công bố quy hoạch cụ thể các cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong hoạt động phá dỡ tàu biển; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn về bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại môi trường; phối hợp với Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cụ thể việc xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường trong hoạt động phá dỡ tàu biển.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện các loại thuế liên quan đến hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng.

4. Các Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, tổ chức quản lý nhà nước về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển tại Việt Nam.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục I

BẢN KÊ KHAI DANH MỤC VẬT LIỆU TRÊN TÀU

(Ban hành kèm theo Nghị định số 114/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ)

STT	Vật liệu	Vị trí	Khối lượng (kg)

Phụ lục II

MẪU CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN PHÁ DỠ TÀU BIỂN

(Ban hành kèm theo Nghị định số 114/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ)

Mẫu số 1	Đơn đề nghị đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động
Mẫu số 2	Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động
Mẫu số 3	Đơn đề nghị phê duyệt kế hoạch phá dỡ tàu biển
Mẫu số 4	Quyết định phê duyệt kế hoạch phá dỡ tàu biển

Mẫu số 1

TÊN DOANH NGHIỆP PHÁ DỠ TÀU BIỂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày... tháng... năm 20...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động

Kính gửi:
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Hàng hải Việt Nam.

Tên doanh nghiệp phá dỡ tàu biển:.....

Người đại diện theo pháp luật:.....

Đăng ký kinh doanh: ngày... tháng.... năm.... tại.....

Địa chỉ:.....

Đề nghị Bộ Giao thông vận tải xem xét, cho phép đưa cơ sở phá dỡ tàu biển sau đây vào sử dụng:

1. Tên cơ sở phá dỡ:.....

2. Địa điểm cơ sở phá dỡ:.....

3. Loại tàu biển có khả năng phá dỡ:.....

4. Giới hạn trọng tải của tàu biển được phép vào cơ sở phá dỡ tàu biển:

5. Văn bản kèm theo:

a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực);

b) Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ sở phá dỡ tàu biển (01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực);

c) Giấy xác nhận các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành (01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực);

d) Giấy đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực);

đ) Giấy phép xả thải vào nguồn nước (01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực);

e) Văn bản nghiệm thu về phương án phòng, chống cháy, nổ (01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực);

g) Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (01 bản sao có chứng thực);

h) Bản vẽ tổng thể về vị trí bố trí trang thiết bị của cơ sở phá dỡ tàu biển (01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực);

i) Bản kê danh sách lao động trực tiếp tham gia hoạt động phá dỡ tàu biển (01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực);

k) Danh mục trang thiết bị bảo hộ an toàn lao động (01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực);

l) Giấy chứng nhận hệ thống quản lý môi trường (01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực).

Kính đề nghị Bộ Giao thông vận tải xem xét, chấp thuận./.

ĐẠI DIỆN
DOANH NGHIỆP PHÁ DỠ TÀU BIỂN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 2

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-BGTVT	*....., ngày... tháng... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH
Đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ.....
Căn cứ.....
Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

Cơ sở phá dỡ tàu biển sau đây được phép tiếp nhận tàu thuyền để phá dỡ:

1. Tên doanh nghiệp phá dỡ tàu biển:.....
2. Người đại diện theo pháp luật:.....
3. Địa chỉ:.....
4. Tên cơ sở phá dỡ:.....
5. Địa điểm cơ sở phá dỡ:.....
6. Giới hạn trọng tải của tàu biển được phép vào cơ sở phá dỡ tàu biển:
7. Loại tàu được phép vào cơ sở phá dỡ:.....

Điều 2.

Cảng vụ Hàng hải..... có trách nhiệm sau đây:

1. Quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải tại khu vực Cảng biển..... và được thu các khoản phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ điều kiện thực tế của cơ sở phá dỡ, giới hạn độ sâu vùng nước, luồng cảng biển và các quy định có liên quan của pháp luật để cho phép tàu thuyền có các thông số kỹ thuật phù hợp với thiết kế của cơ sở phá dỡ tàu vào phá dỡ bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, an toàn lao động và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

Điều 3.

Doanh nghiệp phá dỡ tàu biển căn cứ quy định của Quyết định này, các quy định có liên quan của pháp luật và điều kiện hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển để tổ chức khai thác cơ sở phá dỡ tàu thuyền đúng mục đích, bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, an toàn lao động và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

Điều 4.

Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan căn cứ quy định của Quyết định này, các quy định có liên quan của pháp luật để tổ chức thực hiện các hoạt động nghiệp vụ trong khu vực Cảng biển.....

Điều 5.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....

Điều 6.

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải....., Giám đốc Cảng vụ Hàng hải....., Giám đốc Doanh nghiệp phá dỡ tàu biển....., Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND tỉnh...., thành phố....;
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng;
- Tổng cục Hải quan;
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Lưu: Văn thư,..... (3b).

Mẫu số 3

TÊN DOANH NGHIỆP PHÁ DỠ TÀU BIỂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày... tháng... năm 20...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Phê duyệt kế hoạch phá dỡ tàu biển

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

Tên doanh nghiệp phá dỡ tàu biển:.....

Người đại diện theo pháp luật:.....

Đăng ký kinh doanh ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại liên hệ:.....

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, phê duyệt kế hoạch phá dỡ tàu biển sau đây:

1. Tên tàu biển:.....
2. Quốc tịch tàu biển:.....
3. Loại tàu biển:.....
4. Trọng tải tàu biển:.....
5. Chủ tàu:.....
6. Cơ sở phá dỡ nơi tàu đến:.....
7. Thời gian dự kiến vào cơ sở phá dỡ:.....
8. Tài liệu kèm theo: Bản gốc Kế hoạch phá dỡ tàu biển, ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có).

Kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, phê duyệt./.

ĐẠI DIỆN
DOANH NGHIỆP PHÁ DỠ TÀU BIỂN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 4

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..../QĐ-CHHVN	*....., ngày... tháng... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kế hoạch phá dỡ tàu biển

CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Căn cứ .....

Căn cứ .....

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Quyết định phê duyệt kế hoạch phá dỡ tàu biển đối với tàu biển có thông số kỹ thuật cụ thể như sau:

a) Tên tàu biển: .....

b) Quốc tịch tàu biển:.....

c) Loại tàu biển: .....

d) Trọng tải tàu biển: .....

đ) Chủ tàu: .....

2. Tàu biển nêu trên được phép vào cơ sở phá dỡ tàu biển sau đây để thực hiện phá dỡ:

a) Tên doanh nghiệp phá dỡ tàu biển:..... có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: ngày... tháng... năm.... nơi cấp: .....

b) Người đại diện theo pháp luật:

c) Địa chỉ:.....

d) Tên cơ sở phá dỡ: .....

đ) Địa điểm cơ sở phá dỡ:.....

e) Giới hạn trọng tải của tàu biển được phép vào cơ sở phá dỡ tàu biển:

g) Loại tàu được phép vào cơ sở phá dỡ: .....

Điều 2.

Cảng vụ Hàng hải..... có trách nhiệm sau đây:

1. Quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải tại khu vực Cảng biển..... và được thu các khoản phí, lệ phí theo quy định của pháp luật;

2. Căn cứ điều kiện thực tế của cơ sở phá dỡ, giới hạn độ sâu vùng nước, luồng cảng biển và các quy định có liên quan của pháp luật để cho phép tàu vào phá dỡ bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, an toàn lao động và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

Điều 3.

Doanh nghiệp phá dỡ tàu biển căn cứ quy định của Quyết định này, các quy định có liên quan của pháp luật và điều kiện hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển để tổ chức phá dỡ tàu biển bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, an toàn lao động và phòng ngừa ô nhiễm môi trường và nộp các khoản phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

Điều 4.

Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan căn cứ quy định của Quyết định này, các quy định có liên quan của pháp luật để tổ chức thực hiện các hoạt động nghiệp vụ trong khu vực Cảng biển.....

Điều 5.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6.

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Trưởng các Phòng liên quan của Cục Hàng hải Việt Nam, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải....., Giám đốc doanh nghiệp phá dỡ tàu biển....., Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CỤC TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- UBND tỉnh....;
- Bộ đội Biên phòng tỉnh...;
- Cục Hải quan...;
- Kiểm dịch Y tế....;
- Kiểm dịch ĐTV....;
- Các Phòng:.....
- Trang Thông tin điện tử Cục Hàng hải Việt Nam;
- Lưu: VT,..... (8b).